TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM - ST
Ngày: 21/5/2019
V/v Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Bích Thủy.

2/ Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST- KDTM, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - KDTM, ngày 08/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - KDTM, ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng B

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh ngân hàng B (Theo Quyết định ủy quyền số: 906/QĐ – BIDV ngày 28/10/2016)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B theo Văn bản ủy quyền số 2534/UQ - BIDV.QN, ngày 29/11/2018 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B.

Địa chỉ: Số 56 H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thiên D, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

2/ Ông Bùi S, sinh năm 1982 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3/ Bà Phạm Thị Thanh C, sinh năm 1979 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2018; các lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng B có cho ông Bùi Thiên D vay số tiền 1.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/HĐTD, ngày 22/12/2016, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 11 tháng và lãi suất vay trong hạn 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Bùi Thiên D và bà Phạm Thị Đ đã thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2015/HĐBĐ, cùng ngày 24/3/2015, theo đó tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 649, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 489m^2; thửa đất số 650, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 669m^2; thửa đất số 651, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 1.088m^2 và các tài sản gắn liền với các thửa đất trên tọa lạc tại khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông D đã trả cho Ngân hàng B số tiền lãi là 59.211.111đ. Hiện tại thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết nhưng ông D vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng B. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Bùi Thiên D phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và nợ lãi là 281.936.433đ (trong đó, có 235.700.000đ tổng lãi trong hạn + quá hạn và 46.236.433đ lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 21/5/2019). Ngoài ra, Ông D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng B theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Thiên D còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngâm hàng B cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Đối với phần tài sản thế chấp của ông D tại Ngân hàng mà hiện nay ông S bà C đang quản lý, sử dụng có làm thêm một mái hiên và lợp lại một mái hiên bị hư hỏng để tiện cho việc sử dụng của mình, ngân hàng không tranh chấp gì, ngân hàng yêu cầu khi xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án thì ông S bà C phải tự tháo dỡ phần đầu tư thêm và giao tài sản để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn là ông Bùi Thiên D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người có quyền, lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi S và bà Phạm Thị Thanh C trình bày: Ông S bà C là em ruột và em dâu của ông D, việc ông D và bà Đ có vay tiền và thế chấp tài sản cho Ngân hàng ông có biết nhưng cụ thể như thế nào ông không rõ, tuy nhiên khi ông D và bà Đ đi làm ăn xa, không có mặt tại nơi cư trú thì vợ chồng ông tự quản lý, sử dụng các tài sản mà ông D, bà Đ đã thế chấp cho Ngân hàng (ông bà tự quản lý sử dụng chứ ông D bà Đ không ủy quyền hay giao cho vợ chồng ông quản lý). Ông S, bà C thừa nhận toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện ông bà đang quản lý là tài sản của ông D bà Đ, trong thời gian quản lý sử dụng tài sản đó, năm 2017 do bão làm hư mái hiên nhà kho nên ông S bà C có lợp lại mái hiên và làm thêm một mái hiên giữa nhà kho và nhà ở. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D trả nợ và xử lý tài sản thế chấp, ông S bà C sẽ tự nguyện tháo dỡ phần tài sản do ông bà làm thêm để giao trả lại tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật, ông S bà C không tranh chấp hay yêu cầu gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D có nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 1.000.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán là số tiền 281.936.433đ tính đến ngày 21/5/2019 và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu ông D không trả trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế trên tại gian đoạn thi hành án để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy

định tại 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D và bà Đ không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà Đ.

Ông Bùi Thiên D và bà Phạm Thị Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, ông D bà Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Ngày 22/12/2016 Ngân hàng B và ông Bùi Thiên D có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/HĐTD, theo đó: Ngân hàng đã giải ngân cho ông D vay số tiền 1.000.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khi nợ đến hạn Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, thông báo cho ông D nhưng ông D thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thiên D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng đã được ký kết là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể: Ông Bùi Thiên D phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và nợ lãi là 281.936.433đ (trong đó: tổng lãi trong hạn + quá hạn là 235.700.000đ và 46.333.800đ lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 21/5/2019) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng B theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bị đơn Bùi Thiên D và Phạm Thị Đ đồng ý ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình để đảm bảo thanh toán kịp thời, đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp ông D không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án là có căn cứ quy định tại các Điều 299, 323 Bộ Luật dân sự 2015 và phù hợp với Hợp đồng thế chấp đã được ký kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2015/HĐBĐ, cùng ngày 24/3/2015 nên được chấp nhận. Cụ thể: Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 649, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 489m^2; thửa đất số 650, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 669m^2; thửa đất số 651, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 1.088m^2 và các tài sản gắn liền với các thửa đất trên tọa lạc tại Khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

[3]. Đối với các công trình do ông S bà C tự xây dựng trên phần tài sản mà ông D bà Đ đã thế chấp cho ngân hàng, ngân hàng yêu cầu ông S bà C phải tháo dỡ khi ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, ông S bà C đồng ý tự nguyện tháo dỡ, giao tài sản cho ngân hàng và không có ý kiến gì khác nên cần buộc ông S bà C phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng gồm: Mái hiên phía trước nhà kho có kết cấu trụ bê tông, đà gỗ, mái lợp tole; mái hiên giữa nhà kho và nhà ở có kết cấu không trụ (mượn tường), đà sắt, mái lợp tole có tổng diện tích là 80.2m^2 thuộc thửa đất 651 để giao tài sản cho Ngân hàng khi có yêu cầu.*(cụ thể có bản vẽ kèm theo)*

[4] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.500.000đ, trong vụ án này, yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông Bùi Thiên D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 BLTTDS. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông D có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.500.000đ.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ngân hàng B không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng B đã nộp theo quy định

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điểm 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 299, 323,463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc ông Bùi Thiên D phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và nợ lãi là 281.936.433đ (trong đó: tổng lãi trong hạn + quá hạn là 235.700.000đ và 46.333.800đ lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 21/5/2019). Tổng cộng, ông D phải trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2019 là 1.281.936.433đ *(Một tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng)* và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD, ngày 22/12/2016.

- Trường hợp ông D không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã

thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 649, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 489m^2; thửa đất số 650, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 669m^2; thửa đất số 651, tờ bản đồ số 38, diện tích sử dụng 1.088m^2 và các tài sản gắn liền với các thửa đất trên tọa lạc tại khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2015/HĐBĐ, cùng ngày 24/3/2015

Sau khi xử lý tài sản chấp nếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Thiên D phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng B đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[2]. Buộc ông S bà C phải tháo dỡ các công trình xây dựng gồm: Mái hiên phía trước nhà kho có kết cấu trụ bê tông, đà gỗ, mái lợp tole; mái hiên giữa nhà kho và nhà ở có kết cấu không trụ (mượn tường), đà sắt, mái lợp tole có tổng diện tích là 80.2m^2 thuộc thửa đất 651 tờ bản đồ số 38 tại khu dân cư số 30, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi để giao tài sản cho Ngân hàng khi có yêu cầu. *(cụ thể có bản vẽ kèm theo)*

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Thiên D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.500.000đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông D có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

[4] Về án phí: Ông Bùi Thiên D phải chịu 50.458.093đ (làm tròn 50.458.000đ) (*Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền 23.547.000đ *(Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003805, ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2019), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bích Vân